TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2023
V/v: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Long
Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 426/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị H1**; sinh năm: 1979
Địa chỉ: Thôn H-H, xã C-H, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn* : Ông **Nguyễn Văn H2;** sinh năm: 1972
Địa chỉ: Thôn H-H, xã C-H, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
(Bà H1 có mặt, ông H2 yêu cầu xét xử theo thủ tục vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/10/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị H1 trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn H2 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật và tập trung lo làm ăn để nuôi con nên giữa bà và ông H2 không đăng kết hôn.

Sau khi tổ chức lễ cưới, bà và anh H2 chuyển về thôn H-H, xã C-H, huyện Phù Cát sống chung với cha mẹ ruột của bà một khoảng thời gian. Sau đó, được cha mẹ bà xây dựng một ngôi nhà tạm trên đất vườn đào để vợ chồng bà có chỗ ở riêng. Đời sống chung giữa bà và ông H2 hạnh phúc bình thường

đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H2 không chăm lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình mà ông bắt đầu nảy sinh tật xấu, thường xuyên uống rượu say rồi về nhà chửi bới, xúc phạm vợ con. Lúc đầu bà cố gắng nhường nhịn để duy trì đời sống chung, nhưng càng về sau ông H2 đối xử với bà càng tệ bạc hơn, thậm chí ông H2 còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác một cách công khai, không giấu giếm. Ông H2 vay tiền với mức lãi suất cao để đáp ứng yêu cầu về vật chất của người đàn bà mà ông H2 ngoại tình. Từ đầu năm 2022 đến nay bà và ông H2 sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm giữa bà và ông H2 không còn, mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tuyên bố không công nhận bà và ông H2 là vợ chồng.

** Về quan hệ con chung:*

Giữa bà và ông H2 có 02 người con chung là Nguyễn A H3; sinh ngày 24/10/2003 và Nguyễn Thị H4; sinh ngày 12/6/2006. Hiện tại sức khỏe, thể chất của các con đang phát triển bình thường, cháu H3 đã thành niên, cháu H4 đã bỏ học và đã đi làm thuê tại thành phố Q-Nh. Vì vậy, nếu Tòa án tuyên bố không công nhận giữa bà và ông H2 là vợ chồng thì bà không yêu cầu giải quyết việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con .

** Về quan hệ tài sản*:

Bà và ông H2 không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H1 về thời gian và điều kiện để ông và bà H1 sống chung với nhau như vợ chồng.

Sau khi tổ chức lễ cưới, ông và bà H1g chuyển về sinh sống, làm ăn tại thôn H-H, xã C-H, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Ông thừa nhận thời gian gần đây giữa ông và bà H1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn là do bà H1 nghi ngờ ông sống không chung thủy, ghen tuông vô cớ nên giữa hai người thường xuyên cãi vã nhau. Tuy nhiên, mức độ mâu thuẫn không lớn, có thể tự hòa giải với nhau được nên ông và bà H1 vẫn sống chung, ăn uống chung và sinh hoạt chung trong một ngôi nhà. Ông không biết lý do gì bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận giữa ông và bà H1 là vợ chồng.

Nếu bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì ông chấp nhận theo yêu cầu của bà H1, vì giữa ông và bà H1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

** Về quan hệ con chung*: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H1 đã

nêu trên là đúng. Nếu Tòa án tuyên bố không công nhận ông với bà H1 là vợ chồng thì ông không tranh chấp việc nuôi con chưa thành niên và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

* *Về quan hệ tài sản*: Ông không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì lý do việc làm, ông H2 từ chối tham gia tố tụng tụng, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn cố ý lẩn tránh, từ chối đến Tòa án để tham gia tố tụng thì phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt; đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 có nơi cư trú cuối cùng tại thôn H-H, xã C-H, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 cố ý lẩn tránh không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2022, ông H2 từ chối tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H1, Tòa án thấy rằng:

[2.1] Giữa bà H1 với ông H2 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, có con chung và tài sản chung nhưng ông H2 và bà H1 không đăng ký kết hôn. Từ giữa năm 2020 quan hệ giữa bà H1g và ông H2 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông H2 cho rằng mức độ mâu thuẫn giữa ông và bà H1 không lớn, có thể hòa giải với nhau được. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã trực tiếp tống đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông H và bà H1 gặp nhau tại Tòa án, các bên có cơ hội hòa giải, bỏ qua những thiếu sót của nhau, cùng nhau quay về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng ông H2 từ chối nhận Thông báo về phiên họp và giấy triệu tập của Tòa án. Hành vi từ

chối tham gia tố tụng của ông H2 thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải. Vì vậy, Tòa án có căn cứ để khẳng định, mức độ mâu thuẫn giữa bà H1 và ông H2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông H2 là vợ chồng. Yêu cầu khởi kiện của bà H1 được ông H2 chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm - 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/200/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Bà H1 và ông H2 thống nhất có 02 người con chung là Nguyễn A H3; sinh ngày 24/10/2003 và Nguyễn Thị H4; sinh ngày 12/6/2006. Hiện tại sức khỏe, thể chất của các con đang phát triển bình thường, cháu H3 đã thành niên, cháu H4 đã bỏ học và đã đi làm thuê tự nuôi sống bản thân. Bà H1 và ông H2 đều không tranh chấp việc nuôi con chưa thành niên và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản*: Các đương sự không tranh chấp chia tài sản chung, giải quyết nghĩa vụ tài sản đối với người khác nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, bà Phan Thị H1 phải chịu án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 238, các Điều 264, 266, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/200/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H1 về việc yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà và ông Nguyễn Văn H2 là vợ chồng.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận giữa bà Phan Thị H1 và ông Nguyễn Văn H2 là vợ chồng.

1.2. Về quan hệ con chung:

Các đương sự không tranh chấp việc nuôi con chưa thành niên, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. Về quan hệ tài sản chung:

Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Án phí DSST: Bà Phan Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011689 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tống đạt trực tiếp hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND huyện Phù Cát;
- THADS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Quyến